

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN DÂN TỘC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. Bùi Minh Đạo
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Điều tra, xác định thành phần dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của ngành khoa học xã hội Việt Nam hiện nay. Với mong muốn góp phần triển khai công tác xác định thành phần dân tộc thời gian tới hiệu quả hơn, bằng nhận thức cá nhân, bài viết khái quát về một số quan điểm và vấn đề đặt ra trong điều tra, nghiên cứu xác định thành phần dân tộc ở nước ta từ thập niên 1970 đến nay, bao gồm quan điểm và vấn đề đặt ra về khái niệm tộc người, tiêu chí xác định thành phần tộc người, xác định tộc danh và nhóm địa phương, cách thức áp dụng tiêu chí và phương pháp điều tra, nghiên cứu xác định thành phần tộc người.

Từ khóa: Tộc người, nhóm địa phương, tiêu chí xác định tộc người, tộc danh, xác định thành phần dân tộc.

Đặt vấn đề

Do đặc điểm các dân tộc và do bối cảnh mới của vấn đề dân tộc, xác định thành phần dân tộc đã, đang và sẽ là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết về khoa học, thực tiễn của ngành dân tộc học Việt Nam hiện nay.

Bài viết cố gắng điểm lại một số quan điểm liên quan đến công tác xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam từ thập niên 70 của thế kỷ XX, đặc biệt từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới đến nay, với mong muốn góp phần triển khai công tác xác định thành phần dân tộc thời gian tới thống nhất và hiệu quả hơn. Để xác định thành phần dân tộc khoa học và hiệu quả, cần xác định quan điểm đúng đắn và thống nhất về một số vấn đề liên quan.

1. Quan điểm về khái niệm tộc người

Tộc người (ethnicity/ethnic group) là khái niệm cơ bản trong nghiên cứu dân tộc học và trong nghiên cứu xác định thành phần dân tộc, cũng là đơn vị cơ bản để xác định thành phần dân tộc. Xác định đúng đắn và khoa học khái niệm tộc người sẽ là cơ sở cho xác định tiêu chí và quá trình xác định thành phần dân tộc.

Giống như khái niệm văn hóa, trên thế giới và ở Việt Nam đã và đang tồn tại nhiều khái niệm tộc người khác nhau. Phương Tây là nơi phát sinh khái niệm tộc người, cũng là nơi phát sinh nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau nhất về tộc người. Tùy vào trường phái hay quốc gia mà các học giả tư sản quan niệm những thành tố khác nhau là đặc trưng nhận biết dân tộc, tộc người. Một số người

coi quốc gia và dân tộc là một. Một số người lấy hai hoặc hơn trong các thành tố lãnh thổ, chủng tộc, huyết thống, ngôn ngữ, văn hóa, vận mệnh... làm tiêu chí cơ bản cấu thành dân tộc. Một số học giả cho rằng cấu thành một dân tộc gồm 7 yếu tố kết hợp nhau là đất đai, huyết thống, ngôn ngữ, chữ viết, tôn giáo, phong tục, sinh kế (Hoàng Quang Học, 1990, tr. 12). Có người phủ nhận hai tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa mà nhiều nhà khoa học thường dùng làm căn cứ để phân loại tộc người (Khổng Diễn, 2003, tr. 11). Springhe, học giả người Áo cho rằng dân tộc là một khối kết hợp những người nói và nghĩ giống nhau, những người không có mối liên hệ gì về đất đai (J. Stalin, 1957, tr. 17). O. Bau e, cũng là học giả người Áo lại cho rằng dân tộc là toàn thể những người kết hợp trong một cộng đồng tính cách, dựa trên cộng đồng vận mệnh (J. Stalin, 1957, tr. 19).

Ở Liên Xô, Lênin coi trọng vai trò của ngôn ngữ và lãnh thổ trong hình thành dân tộc (Hoàng Quang Học, 1990, tr. 23). Năm 1913, trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, J. Stalin đưa ra định nghĩa: *Dân tộc là một khối cộng đồng người ổn định, thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, lãnh thổ, sinh hoạt kinh tế và về hình thành tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng về văn hóa* (Stalin, 1957, tr. 16 - 17). Trong mấy thập niên sau đó, các nhà dân tộc học Xô Viết chịu ảnh hưởng lớn từ định nghĩa về dân tộc của J. Stalin. Có một thời kỳ, Tokarev đã đưa ra định nghĩa khác với định nghĩa của Stalin và bị phê phán, cho rằng tộc người là một cộng đồng dựa trên nhiều yếu tố xã hội như nguồn gốc, ngôn ngữ, lãnh thổ, nhà nước, kinh tế, đặc trưng văn hóa, tôn giáo. Gumilev cũng đưa ra quan điểm bị phê phán cho rằng tộc người là phạm

trù sinh học hơn là phạm trù xã hội (Hoàng Quang Học, 1990, tr. 12). Sau khi J. Stalin qua đời, đã dấy lên ở Liên Xô xu hướng phủ nhận khái niệm dân tộc của ông và cho rằng, để cấu thành dân tộc, cần chú ý một số đặc trưng như quốc gia, phong tục tập quán,... Ở Cộng hòa liên bang Nga, người ta đang đánh giá lại định nghĩa về dân tộc của Stalin và thấy có những điểm không phù hợp, đại diện là ý kiến của Kozlóp (Khổng Diễn, 2002, tr. 11), người đã đưa ra nhận xét rằng định nghĩa của J. Stalin là giáo điều, không có giá trị về lý luận và thực tiễn (Luu Hùng, 2002, tr. 60).

Ở Trung Quốc, khái niệm tộc người xuất hiện lần đầu tiên năm 1899 bởi Lương Khải Siêu, khi đề từ Nhật về, trên cơ sở tiếp thu khái niệm dân tộc của phương Tây tại Nhật. Năm 1905, Uông Tinh Vệ định nghĩa dân tộc là nhóm người có 6 đặc trưng chung là huyết thống, ngôn ngữ, chỗ ở, tập quán, tôn giáo và tinh thần thể chất. Năm 1924, Tôn Trung Sơn đưa ra khái niệm dân tộc gồm 5 yếu tố là huyết thống, sinh hoạt, ngôn ngữ, tôn giáo và phong tục tập quán. Sau năm 1949, các học giả Trung Quốc cơ bản theo định nghĩa dân tộc của J. Stalin, có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Trung Quốc. Chẳng hạn, những năm 1950, tồn tại khái niệm dân tộc là cộng đồng người có 5 yếu tố chung gồm tên gọi, ngôn ngữ, lãnh thổ, ý thức dân tộc và tình cảm dân tộc; đến những năm 1980 phổ biến khái niệm tộc người gồm 4 đặc trưng như Stalin đưa ra, đồng thời bổ sung thêm hai đặc trưng là cùng tên gọi và cùng nguồn gốc lịch sử (Hoàng Quang Học, 1990, tr. 50-51).

Ở Việt Nam, dân tộc, tộc người như là thuật ngữ khoa học trong dân tộc học được sử dụng từ sau năm 1954 ở miền Bắc và phổ biến từ sau năm 1975 trong cả nước. Khái

niệm tộc người cũng dần được xây dựng trên cơ sở tham khảo và tiếp thu có chọn lọc khái niệm của phương Tây, dân tộc học Xô Viết và Trung Quốc. Từ những năm 1970 đến nay, tồn tại ở Việt Nam một số khái niệm không giống nhau về tộc người. 4 khái niệm được đưa ra dưới đây làm cơ sở xem xét, đánh giá.

Phan Hữu Dật (1973, tr. 13) cho rằng tộc người là cộng đồng người hình thành trong lịch sử, dựa trên 4 yếu tố chung là lãnh thổ, ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý và ý thức sự thống nhất của mình thông qua tên tự gọi. Bế Viết Đăng (1975, tr. 76) cho rằng dân tộc là một tập đoàn người ổn định, hoặc tương đối ổn định, được hình thành trong lịch sử, dựa trên những mối liên hệ chung về địa vực cư trú, sinh hoạt kinh tế, đặc điểm sinh hoạt văn hóa, trên cơ sở những mối liên hệ đó, ở mỗi dân tộc còn một ý thức về thành phần dân tộc và tên gọi riêng của mình. Lê Sỹ Giáo (1995, tr. 6-7) quan niệm dân tộc là hình thái đặc biệt của một tập đoàn xã hội, xuất hiện không phải là ý nguyện của con người mà là kết quả của quá trình tự nhiên, lịch sử, có tính bền vững, tồn tại hàng nghìn năm, những người thuộc một dân tộc là những người có cùng ý thức tự giác tộc người, có cùng ngôn ngữ và có cùng văn hóa. Chia sẻ định nghĩa của Lê Sỹ Giáo, Bùi Xuân Đính (2012, tr. 12) định nghĩa tộc người (ethnos, ethnies) là hình thái đặc thù của một tập đoàn người, một tập đoàn xã hội, xuất hiện trong quá trình phát triển của tự nhiên và xã hội, được phân biệt bởi ba đặc trưng cơ bản, mang tính ổn định và tương đối bền vững qua hàng nghìn năm lịch sử là ngôn ngữ, văn hóa, ý thức tự giác về cộng đồng.

Các khái niệm dân tộc, tộc người của phương Tây, Stalin, Xô Viết và Trung Quốc đều có giá trị tham khảo đối với Việt Nam. Đến nay, vẫn tồn tại ở Việt Nam ít nhất ba quan điểm về khái niệm tộc người khác nhau của Phan Hữu Dật, Bế Viết Đăng và Lê Sỹ Giáo - Bùi Xuân Đính. Trong hoàn cảnh đó, việc nghiên cứu để xây dựng khái niệm dân tộc (tộc người) thống nhất trong cả nước, phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới, phục vụ hiệu quả nghiên cứu dân tộc, công tác dân tộc nói chung và nghiên cứu xác định thành phần dân tộc nói riêng trong điều kiện hiện nay là cần thiết.

2. Quan điểm về tiêu chí xác định thành phần tộc người

Ở Trung Quốc, trong một thời gian dài từ đầu thập niên 50 của thế kỷ XX đến năm 1978, giới khoa học Trung Quốc vẫn kiên trì bảo vệ bốn tiêu chí phản ánh đặc trưng dân tộc do Stalin nêu ra năm 1913 để áp dụng trong xác định thành phần dân tộc, từ sau năm 1978 nhấn mạnh thêm hai tiêu chí là phong tục tập quán và ý thức tự giác tộc người (Hà Quang Học, 1990, tr. 50-51). Khác Việt Nam, Trung Quốc chú ý tiêu chí dân nguyện và nguồn gốc lịch sử, điều này do đặc điểm tư liệu thành văn về các dân tộc thiểu số Trung Quốc còn được ghi lại và khá phong phú.

Ở Việt Nam, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu xác định thành phần dân tộc, từ những năm 1970 đến nay, đã có 6 cuộc hội thảo bàn về tiêu chí xác định thành phần dân tộc, tạm chia thành ba đợt.

Đợt 1 gồm hai cuộc hội thảo vào tháng 6 và tháng 11 năm 1973 nhằm phục vụ công tác điều tra nghiên cứu xác định thành phần các dân tộc thiểu số miền Bắc. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đã được thảo

luận. Kết luận đưa ra là khác với Liên Xô và Trung Quốc, Việt Nam không coi lãnh thổ tộc người và đặc điểm kinh tế là hai tiêu chí xác định thành phần dân tộc. Ngoài ra, các yếu tố tâm lý, nguồn gốc lịch sử... trong một số trường hợp nằm trong ý thức dân tộc và cũng không được coi là tiêu chí xác định dân tộc. Vì thế, ở nước ta, các nhà dân tộc học thống nhất chỉ áp dụng ba tiêu chí xác định dân tộc là ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác tộc người. Các tiêu chí này đã được áp dụng vào điều tra xác định thành phần dân tộc trong các năm 1973 - 1974 ở miền Bắc và 1977 - 1978 ở miền Nam, kết quả đã ra được bản *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* gồm 54 dân tộc công bố năm 1979.

Đợt 2 gồm hai cuộc hội thảo tại Hà Nội (7/2002) và thành phố Hồ Chí Minh (10/2002), nhằm phục vụ thực hiện đề tài *Điều tra nghiên cứu xác minh lại thành phần dân tộc Việt Nam* (2002 - 2005) do Viện Dân tộc học phối hợp với Viện Ngôn ngữ học triển khai. Kết quả cả hai hội thảo đều thống nhất, để xác định thành phần dân tộc đầu thế kỷ XXI, vẫn cần áp dụng ba tiêu chí cứng là ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác tộc người; ngoài ra, tùy từng vùng, từng dân tộc có thể áp dụng thêm các tiêu chí mềm nhưng không dẫn đến tùy tiện, mỗi nơi làm mỗi khác,... Trên cơ sở tiêu chí đã thống nhất, đề tài đã triển khai điều tra nghiên cứu và đưa ra kết quả xác định thành phần 6 dân tộc và 42 nhóm địa phương, chủ yếu là các nhóm địa phương có nhu cầu tách ra thành dân tộc riêng.

Đợt 3 gồm hai cuộc hội thảo vào hai năm 2014, 2015 do Hội đồng Khoa học và Công nghệ Ủy ban Dân tộc triển khai tại Hà Nội nhằm phục vụ Dự án điều tra xác định thành phần dân tộc từ năm 2014 đến nay do

Ủy ban Dân tộc chủ trì. Dù vẫn có đôi ý kiến khác nhau, nhưng kết luận của cả hai hội thảo đều thống nhất, trong điều kiện mới, để xác định thành phần dân tộc, khoa học và hợp lý hơn cả vẫn là áp dụng ba tiêu chí của hai đợt điều tra, nghiên cứu năm 1973-1978 và 2002-2005 và 2002-2005, gồm ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.

Như vậy, trải qua 6 cuộc hội thảo vào các năm 1973, 2002, 2014, 2015, dù đó đây có một vài ý kiến băn khoăn, nhưng kết luận chung thống nhất trước sau vẫn kiên trì với ba tiêu chí xác định thành phần dân tộc là ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa, trong đó thống nhất, để xác định thành phần dân tộc, cần áp dụng cả ba tiêu chí, không ngoại trừ tiêu chí nào; các tiêu chí không được nghiên cứu đơn lẻ, mà trong mối quan hệ tổng thể với nhau, không có đặc trưng dân tộc nào được coi là duy nhất, mà chỉ có sự tổng hòa các đặc trưng, do tất cả các đặc trưng ấy kết hợp lại mà thành. Đây là kết luận đúng đắn, khoa học, phù hợp với điều kiện Việt Nam, là thành tựu khoa học, thực tiễn của công tác xác định thành phần dân tộc và nghiên cứu dân tộc học.

Tuy nhiên, trong khi nghiên cứu xác định những tiêu chí, các nhà khoa học dễ đồng thuận thì việc xác định quan điểm và lý thuyết về cách thức áp dụng các tiêu chí xác định dân tộc lại chưa được triển khai thống nhất. Những tiêu chí được đưa ra trong nhiều trường hợp khó xác định hoặc không xác định được, đặc biệt với hai tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa, hạn chế kết quả điều tra, nghiên cứu xác định thành phần dân tộc.

Ngôn ngữ là đặc trưng quan trọng trong xác định thành phần dân tộc. Nhưng đến nay vẫn chưa có sự thống nhất về cách vận dụng tiêu chí này, dẫn đến hiện tượng

còn tùy tiện và lúng túng trong điều tra, nghiên cứu ở một số trường hợp. Vấn đề ngôn ngữ bị bỏ qua khi nhập hoặc tách các nhóm cư dân thành một hoặc hai dân tộc (Nguyễn Văn Lợi, 2002, tr. 16-37). Vẫn đang còn một số quan điểm và lý thuyết áp dụng tiêu chí này cần trao đổi, thống nhất làm rõ: i) Điều tra ngôn ngữ theo phương pháp nào, ngôn ngữ lịch sử hay ngôn ngữ xã hội và nếu điều tra ngôn ngữ xã hội thì điều tra các khía cạnh nào của ngôn ngữ xã hội, nếu điều tra ngôn ngữ lịch sử thì điều tra các khía cạnh nào của ngôn ngữ lịch sử; ii) Chỉ điều tra, nghiên cứu các ngôn ngữ thôi hay cả với ngôn ngữ chỉ còn tồn tại trong nhận thức; iii) Nếu điều tra từ vựng ngôn ngữ thì theo bảng từ nào, số lượng từ là bao nhiêu và khi xử lý kết quả, mức độ tỷ lệ giống nhau bao nhiêu phần trăm được coi là một dân tộc và ngược lại?

Văn hóa là cái mà mỗi dân tộc xây dựng nên trong quá trình phát triển lịch sử, được trao truyền từ thế hệ nọ sang thế hệ kia. Mỗi dân tộc đều có văn hóa riêng, phản ánh bản sắc tộc người. Các nhà dân tộc học Việt Nam thống nhất rằng, những đặc điểm văn hóa chứ không phải văn hóa nói chung làm nên đặc trưng dân tộc và để xác định thành phần tộc người thì cần nghiên cứu đặc điểm văn hóa chứ không phải nghiên cứu tất cả các thành tố của văn hóa (Bế Viết Đăng, 1975, tr. 79). Tuy nhiên, có nhiều điểm thực tiễn đặt ra đòi hỏi khoa học phải có quan điểm và lý thuyết thống nhất, chẳng hạn: i) Sẽ là không dễ dàng tìm ra những đặc trưng văn hóa tộc người trong điều kiện giao lưu và hội nhập diễn ra mạnh mẽ, bởi nhiều dân tộc không còn giữ lại được những đặc điểm văn hóa riêng của mình và nhiều khi sẽ không còn đặc trưng nào để mà xem xét, trừ phi có sự hồi cố, phục chế lại; ii) Rất khó

xem xét đặc trưng văn hóa để xác định thành phần một số dân tộc có đặc trưng văn hóa đang mai một, mất mát mạnh mẽ (ví dụ: người Xinh-mun hay người Ô-đu); iii) Khi xem xét đặc điểm văn hóa như là một tiêu chí xác định thành phần dân tộc, nên căn cứ vào văn hóa cổ truyền hay đương đại, nếu căn cứ vào văn hóa đương đại thì nhiều dân tộc sẽ giống nhau do sự du nhập của văn hóa lối sống phương Tây, còn nếu đi tìm những yếu tố văn hóa cổ truyền thì giống như đi tìm cái không còn; iv) Khi đã có kết quả cần so sánh để kết luận thì mức độ tương đồng đạt tỷ lệ bao nhiêu phần trăm được coi là một dân tộc và ngược lại.

Ý thức tự giác dân tộc là ý thức tự nhận mình thuộc về một cộng đồng xác định, tồn tại ở những người đồng tộc, thể hiện ở hàng loạt các yếu tố liên quan như có chung ý thức là người một dân tộc, có chung tộc danh, nguồn gốc lịch sử hay truyền thuyết về tổ tiên chung. Ý thức tự giác dân tộc có tính độc lập cao, dù lãnh thổ bị chia cắt, văn hóa bị đứt gãy hay ngôn ngữ mẹ đẻ tiêu vong, ý thức dân tộc vẫn được duy trì và được coi là tiêu chí quan trọng nhất trong ba tiêu chí, thậm chí trong một số trường hợp là tiêu chí duy nhất để xác định dân tộc. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, lời tự báo về thành phần dân tộc đều khách quan. Một số thành viên của một dân tộc có thể thay đổi ý thức tự giác dân tộc vì quyền lợi kinh tế, chính trị hoặc là do mặc cảm tự ti. Đã có trường hợp một số người Việt tự báo là người dân tộc thiểu số để hưởng chế độ ưu đãi cho dân tộc thiểu số (Nguyễn Khắc Tụng, 2002, tr. 111-115; Nguyễn Văn Thắng, 2002, tr. 90-102; Bùi Minh Đạo, 2003, tr. 20). Phân biệt ý thức tự giác tộc người dựa trên nhu cầu thực và ý thức tự giác tộc người do lợi ích là vấn đề đặt ra

trong áp dụng điều tra, nghiên cứu tiêu chí ý thức tộc người.

Từ thực tiễn điều tra nghiên cứu như trên, cần nghiên cứu để thống nhất xác định những cách thức áp dụng từng tiêu chí, đặc biệt hai tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa vào xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam hiện nay.

3. Quan điểm về xác định tộc danh và nhóm địa phương

Ở Việt Nam, đã có một số nghiên cứu chuyên sâu và cụ thể về xác định tộc danh và nhóm địa phương (Đặng Nghiêm Vạn, 1975a, tr. 98-132; 1975b, tr. 219-237; Phan Hữu Dật, 1975, tr. 531-537; 1998, tr. 578-583...). Đặng Nghiêm Vạn nêu tình trạng nhầm lẫn tên dân tộc trong văn bản nhà nước, trong nghiên cứu và trong chính chủ thể người dân, những mâu thuẫn, sai biệt thường gặp giữa tên tự gọi và tên được gọi, vấn đề phiên âm tên gọi và tên tự gọi, vấn đề xã hội của tộc danh và nêu ra ba nguyên tắc cho xác định tộc danh: tôn trọng tên tự gọi của dân tộc, nếu cần thì có thể phục hồi tên tự gọi cũ của dân tộc; tên dân tộc khác gọi mà thấy thỏa đáng về văn hóa và được người dân chấp nhận thì nên coi là cơ sở khoa học để xác định tộc danh; cần phiên âm đúng tên tộc danh sang tiếng Việt để bảo đảm đoàn kết và tôn trọng chủ thể dân tộc (Đặng Nghiêm Vạn, 1975a, tr. 129-131). Cũng Đặng Nghiêm Vạn trong chuyên đề bàn về các nhóm địa phương đã đề cập các điều kiện tự nhiên xã hội dẫn đến hình thành các nhóm địa phương, các dấu hiệu nhận biết nhóm địa phương và các vấn đề đặt ra khi điều tra xác định các nhóm địa phương. Đáng chú ý, bài viết có đoạn nói rằng dưới chế độ cũ, do hệ quả của áp bức, bóc lột và do phân biệt tộc người, các nhóm

địa phương có xu hướng phân ly, muốn tách thành dân tộc riêng, còn trong chế độ xã hội chủ nghĩa, do chủ trương, chính sách đoàn kết và hòa hợp dân tộc của Đảng, Nhà nước, các dân tộc sẽ ngày càng xích lại gần nhau trong cộng đồng nhân dân xã hội chủ nghĩa Việt Nam và xu hướng là nhóm địa phương muốn trở lại nhập vào dân tộc cũ, dân tộc mẹ của mình (Đặng Nghiêm Vạn, 1975b, tr. 228) .

Thực tế ở Việt Nam những thập niên qua cho thấy, dưới tác động của điều kiện mới, hội nhập, hòa nhập trong nước và thế giới, bên cạnh xu hướng xích lại gần nhau, đã và đang diễn ra ngày càng rõ nét xu hướng phân ly dân tộc mà một trong những biểu hiện là nhiều nhóm địa phương muốn tách ra thành dân tộc riêng, mà các nhóm Cà Dong thuộc dân tộc Xơ-đăng; Nguồn thuộc dân tộc Kinh; Cao Lan, Sán Chí thuộc dân tộc Sán Chay; Chil, Lạch thuộc dân tộc Cơ-ho... là những ví dụ tiêu biểu. Vậy nên, cần nghiên cứu để có quan điểm, lý luận biện chứng, phù hợp và thống nhất về xu hướng vận động tộc người nói chung, của các nhóm địa phương nói riêng, bao gồm không chỉ xu hướng cố kết mà còn xu hướng phân ly, xung đột trong điều kiện mới.

4. Quan điểm về cách thức áp dụng tiêu chí và phương pháp điều tra, nghiên cứu xác định thành phần tộc người

Từ những năm 1970 đến nay, ở Việt Nam đã có ba đợt điều tra xác định thành phần dân tộc lớn với những kết quả cụ thể khác nhau.

Đợt điều tra xác định thành phần dân tộc lần thứ nhất vào các năm 1973 - 1974 ở miền Bắc và 1977 - 1978 ở miền Nam do

Viện Dân tộc học thực hiện và kết quả là Bản *Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam* gồm 54 dân tộc, trong đó 53 dân tộc thiểu số được khẳng định và được Nhà nước công nhận. Tổng cục Thống kê đã chính thức công bố vào ngày 2 tháng 3 năm 1979 gồm tên gọi chính thức, số lượng các dân tộc, các nhóm địa phương, các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ, địa bàn cư trú,... Kết quả này đã phục vụ đắc lực cho các cuộc tổng điều tra dân số toàn quốc 10 năm từ năm 1979 đến nay.

Đợt điều tra xác định thành phần dân tộc lần thứ hai vào năm 2002 - 2005. Do thành phần dân tộc là sản phẩm của lịch sử, không bất biến mà luôn thay đổi do tác động của các điều kiện kinh tế - xã hội. Trong những năm từ Đổi mới đến thập niên cuối thế kỷ XX, một số nhà khoa học cho rằng cần xem xét lại tên gọi và thành phần dân tộc của một số dân tộc, nhóm tộc người, bản thân người dân thuộc một số dân tộc, nhóm dân tộc thiểu số hoặc muốn sửa đổi tộc danh, hoặc muốn tách ra thành một dân tộc độc lập. Đây là lý do Viện Dân tộc học phối hợp với Viện Ngôn ngữ triển khai đề tài *Điều tra, xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam (2002 - 2005)*. Sau hai cuộc hội thảo khoa học bàn về tiêu chí xác định thành phần dân tộc, công tác điều tra, nghiên cứu đã được triển khai. Hàng chục cuộc hội thảo khoa học cấp tỉnh được tổ chức, lớn nhất là hội thảo tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về thành phần dân tộc hai nhóm Cao Lan, Sán Chỉ và hội thảo tại Đồng Hới, Quảng Bình về thành phần dân tộc của người Nguồn. Kết quả của đề tài là đã đưa ra kết luận về thành phần dân tộc của 42 nhóm địa phương, trong đó: 3 nhóm được đề nghị tách ra thành dân tộc riêng, 33 nhóm giữ

nguyên thành phần dân tộc và 6 nhóm đề nghị chuyển thành nhóm địa phương của dân tộc khác. Đề tài đã được Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nghiệm thu đạt loại xuất sắc nhưng vì các lý do đặc biệt nên kết quả khoa học của đề tài vẫn chưa được áp dụng vào thực tiễn.

Đợt điều tra xác định thành phần dân tộc lần thứ ba do Ủy ban Dân tộc chủ trì, bắt đầu từ năm 2014 và đến nay chưa kết thúc. Lý do dẫn đến triển khai điều tra nghiên cứu đợt ba cũng tương tự như đợt hai. Một số tỉnh và nhiều cán bộ, người dân một số dân tộc, một số nhóm địa phương có đơn thư đề nghị Chính phủ xem xét xác định lại tên gọi hoặc thành phần dân tộc, đa số đề nghị tách các nhóm địa phương thành dân tộc riêng. Nhiều nhóm địa phương đã được điều tra nghiên cứu thành phần dân tộc đợt hai năm 2002 - 2005, nay tiếp tục được điều tra nghiên cứu, như các nhóm Cao Lan, Thu Lao, Ngạn, Xá Phó, Nguồn, Tà Mun, Triêng, Cà Dong, Chil,... Theo thiết kế, quá trình điều tra, xác định thành phần mỗi nhóm dân tộc được chia thành ba bước lần lượt là nghiên cứu xác định ý thức tự giác tộc người, đặc trưng ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa, nếu thỏa mãn điều kiện hai trong ba tiêu chí có sự khác biệt nhau thì có thể được xem xét để tách ra. Trong điều tra nghiên cứu ý thức và ngôn ngữ, có áp dụng phương pháp phát phiếu điều tra tới cán bộ và người dân. Đến nay, có gần 10 dự án điều tra, xác định tên và thành phần dân tộc của trên 20 dân tộc, nhóm dân tộc đã được hoàn thành và nghiệm thu, trong đó: 5 dự án điều tra nghiên cứu ý thức tự giác dân tộc và 3 dự án điều tra, nghiên cứu ngôn ngữ. Đa số các nhóm đã được điều tra nghiên cứu xong bước một; một số ít nhóm địa phương được điều tra nghiên cứu xong bước hai, kết luận

đa phần vẫn là đề nghị tiếp tục điều tra nghiên cứu đặc điểm văn hóa, đồng nghĩa là cho đến nay chưa có nhóm dân tộc nào đã điều tra nghiên cứu được kết luận về thành phần dân tộc và công tác điều tra nghiên cứu vẫn cần tiếp tục triển khai để có kết quả mong đợi.

Việc triển khai ba đợt điều tra nghiên cứu xác định thành phần dân tộc, đặc biệt đợt điều tra nghiên cứu lần thứ nhất năm 1973 - 1975 và 1977 - 1978 với kết quả ra được *Bản Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam* gồm 54 dân tộc là cần thiết và có ý nghĩa nhiều mặt, đáp ứng nguyện vọng của các dân tộc, góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện Hiến pháp của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền của các dân tộc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, nghiên cứu cho thấy vẫn tồn tại một số khoảng trống về lý luận và thực tiễn. Những năm đầu sau ngày đất nước thống nhất, không tránh khỏi quan điểm và tư tưởng chủ quan, nóng vội cho rằng, đã tiến lên xã hội chủ nghĩa thì quy mô phải lớn, tỉnh huyện xã phải lớn và dân tộc cũng cần phải lớn, dẫn đến ghép lại “chưa thật chín” nhiều nhóm địa phương có dân số ít vào một dân tộc. Các cách thức áp dụng từng tiêu chí xác định thành phần dân tộc vào điều tra nghiên cứu, đặc biệt là hai tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa còn chưa được thống nhất. Cũng như thế, chưa có sự thống nhất về trình tự điều tra, nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu cho từng tiêu chí, lượng hóa tỷ lệ so sánh trong từng tiêu chí để làm căn cứ giữ nguyên hay tách ra thành phần dân tộc.

Kết luận

Điều tra, nghiên cứu xác định thành phần dân tộc là nhiệm vụ khoa học quan

trọng ở nước ta, được chú ý triển khai từ những năm 1970 đến nay. Những thành tựu nghiên cứu đã có rất đáng kể trên các khía cạnh khái niệm tộc người, tiêu chí xác định tộc người, tộc danh, nhóm địa phương và kết quả nghiên cứu xác định thành phần tộc người, góp phần phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và củng cố khối đoàn kết dân tộc ở nước ta.

Bên cạnh những thành tựu và đóng góp to lớn, quá trình nghiên cứu xác định thành phần tộc người đặt ra một số vấn đề, khoảng trống lý thuyết và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ, như: i) Cần thống nhất khái niệm tộc người hoàn chỉnh, cập nhật và phù hợp, làm công cụ phục vụ nghiên cứu và quản lý công tác dân tộc nói chung, xác định thành phần dân tộc nói riêng trong điều kiện mới; ii) Cần dự báo đúng đắn và khách quan về xu hướng phân ly bên cạnh xu hướng xích lại gần nhau của quá trình tộc người trong các nhóm địa phương trong điều kiện mới; iii) Cần xây dựng cách thức áp dụng cụ thể và thống nhất các tiêu chí phù hợp, khoa học trong điều tra, nghiên cứu; iv) Có cần lượng hóa tỷ lệ tương đồng và khác biệt trong từng tiêu chí giữa hai dân tộc, nhóm dân tộc được điều tra nghiên cứu không và nếu lượng hóa thì tỷ lệ như thế nào là tương đồng và khác biệt; v) Thống nhất các phương pháp nghiên cứu định tính định lượng và vai trò của phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xác định thành phần dân tộc

Tài liệu tham khảo

1. Phan Hữu Dật (1973), *Cơ sở dân tộc học*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Phan Hữu Dật (1998a), “Về tên gọi các tộc người nói ngôn ngữ Môn - Kơ-me ở

miền Tây Quảng Bình”, trong: *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Phan Hữu Dật (1998b), “Trở lại tên gọi một số dân tộc ở nước ta hiện nay”, trong: *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

4. Không Diễn (2002), “Tổng quan về công tác xác định thành phần dân tộc và tiêu chí xác định thành phần dân tộc”, trong: *Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài Điều tra xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam (2002 - 2005)*.

5. Bế Viết Đăng (1975), “Về danh mục các dân tộc thiểu số ở miền Bắc nước ta”, trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền bắc Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 71 - 97.

6. Bùi Minh Đạo (Chủ biên, 2003), *Một số vấn đề giảm nghèo dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Bùi Xuân Đỉnh (2012), *Các tộc người ở Việt Nam*, Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Việt Nam học, văn hóa, du lịch các trường đại học và cao đẳng, Nxb. Thời đại, Hà Nội.

8. Hoàng Quang Học (Chủ biên, 1990), *Nhận biết các dân tộc Trung Quốc*, Dân tộc xuất bản xã, Bản dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt của dịch giả Trần Đình Hiến.

9. Lưu Hùng (2002), “Về tiêu chí xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam hiện nay”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, tr. 59 - 61.

10. Lê Sỹ Giáo (Chủ biên, 1995), *Dân tộc học đại cương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

11. Nguyễn Văn Lợi (2002), “Vấn đề ngôn ngữ trong việc xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, tr 16 - 37.

12. J. Stalin (1913), *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

13. Nguyễn Văn Thắng (2002), “Thành phần tộc người nhóm Miêu và vấn đề áp dụng các tiêu chuẩn phân loại tộc người”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, tr. 90 - 102.

14. Nguyễn Khắc Tụng (2002), “Bàn về tiêu chí xác định thành phần các dân tộc Việt Nam”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Bàn về tiêu chí xác định thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, tr. 111 - 115.

15. Đặng Nghiêm Vạn (1975a), “Bàn về tên gọi các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam”, trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Đặng Nghiêm Vạn (1975b), “Bước đầu bàn về các nhóm địa phương”, trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Viện Dân tộc học (1975), *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Viện Dân tộc học (2005), *Điều tra xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam (2002 - 2005)*, Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài điều tra do PGS.TS. Không Diễn làm Chủ nhiệm đề tài.